TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÙ ĐĂNG** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **50**/2019/HNGĐ – ST
Ngày: 24-7-2019
"V/v: Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Hạnh
Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Nguyễn Mạnh Dũng;
2/ Ông Nguyễn Quang Liêu;
- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Chang – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn Đàm – Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 169/2019/TLST - HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2019, về việc "Ly hôn". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2019/QĐST – HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2019 giữa:
- *Nguyên đơn:* Chị Phan Thị Vân A, sinh năm: 1984
Nơi cư trú: Thôn 4, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước
- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Đình Đ, sinh năm: 1979
HKTT: Thôn 4, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước
Nơi cư trú hiện nay: Khối S, TT. N, huyện N, tỉnh Nghệ An
(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02 tháng 5 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phan Thị Vân A trình bày:
Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Đình Đ tự nguyện tìm hiểu, tiến hành đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 47/2006, ký ngày 13 tháng 11 năm 2006. Vợ chồng chung sống với nhau không có hạnh phúc do hai bên khắc khẩu, tính tình trái ngược nhau không thể dung hòa. Vợ chồng thường xuyên cải vả không có tiếng nói chung khiến qua thời gian vợ chồng mất tình cảm với nhau. Đến năm 2011 thì anh Nguyễn Đình Đ đi nơi khác sinh sống. Từ đó vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Hiện nay

các bên đều không còn tình cảm, vợ chồng không muốn đoàn tụ đều có cuộc sống riêng của mình nên chị làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Đình Đ.

Về nuôi con chung: Chị và anh Nguyễn Đình Đ có 02 con chung tên là Nguyễn Thị Thu H sinh năm 2003 và Nguyễn Đình Ph sinh năm 2006. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng giao cháu Nguyễn Đình Ph cho anh Nguyễn Đình Đ trực tiếp nuôi dưỡng.

Đối với cháu Nguyễn Thị Thu H đã thành niên có đủ năng lực hành vi dân sự nên chị không yêu cầu giải quyết về nuôi dưỡng, cấp dưỡng.

Về cấp dưỡng: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung: Chị và anh Nguyễn Đình Đ không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Đình Đ vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Đình Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Phan Thị Vân A tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hơn 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn do chị Phan Thị Vân A ngoại tình và có con riêng với người khác. Anh và chị Phan Thị Vân A đã sống ly thân từ năm 2011 cho đến nay. Nay anh thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh đồng ý ly hôn với chị Phan Thị Vân A.

Về nuôi con chung: Anh và chị Phan Thị Vân A có 02 con chung tên là Nguyễn Thị Thu H sinh năm 2003 và Nguyễn Đình Ph sinh năm 2006.

Sau khi ly hôn anh có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Đình Ph

Còn cháu Nguyễn Thị Thu H thì giao cho chị Phan Thị Vân A trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung: Anh và chị Phan Thị Vân A tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án. Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của người tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Phan Thị Vân A

Về nuôi con chung: Giao Nguyễn Đình Ph sinh năm 2006 cho anh Nguyễn Đình Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về chia tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Các tài liệu, chứng cứ:

- Trích lục kết hôn 47/2006, ký ngày 13 tháng 11 năm 2006 của Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước; Giấy khai sinh đứng tên Nguyễn Thị Thu H;

Giấy khai sinh đứng tên Nguyễn Đình Ph; Sổ hộ khẩu và chứng minh nhân dân đứng tên Phan Thị Vân A;

- Bản tự khai của nguyên đơn chị Phan Thị Vân A lập ngày 6/5/2019; Bản tự khai của bị đơn anh Nguyễn Đình Đ lập ngày 19/6/2019; bản tự khai của Nguyễn Thị Thu H lập ngày 13/5/2019;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Đình Đ (là bị đơn) đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Đình Đ.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Đình Đ và chị Phan Thị Vân A đều khai nhận anh chị có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 47/2006, ký ngày 13 tháng 11 năm 2006. Lời khai của anh Nguyễn Đình Đ và chị Phan Thị Vân A phù hợp với Giấy chứng nhận kết hôn đã được giao nộp hợp pháp (bút lục số 09). Khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình quy định: *"Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch"*. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Đình Đ và chị Phan Thị Vân A là hợp pháp.

[3] Về yêu cầu giải quyết ly hôn: Trong quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Đình Đ và chị Phan Thị Vân A đều khai nhận trong thời gian chung sống vợ chồng có nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn các bên khai nhận khác nhau. Tuy nhiên hai bên đều thống nhất từ năm 2011 cho đến nay anh Nguyễn Đình Đ và chị Phan Thị Vân A sống ly thân, không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau và các bên đều có yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn. Căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa anh Nguyễn Đình Đ và chị Phan Thị Vân A

[4] Về nuôi con chung: Anh Nguyễn Đình Đ và chị Phan Thị Vân A đều khai nhận anh chị có 02 con chung tên là Nguyễn Thị Thu H sinh năm 2003 và Nguyễn Đình Ph sinh năm 2006. Xét, anh Nguyễn Đình Đ và chị Phan Thị Vân A đều thống nhất giao cháu Nguyễn Đình Ph cho anh Nguyễn Đình Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Từ lúc ly thân cho đến nay anh Nguyễn Đình Đ vẫn trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Đình Ph phát triển đầy đủ về thể chất và tinh thần. Xuất phát từ lợi ích về mọi mặt của cháu Nguyễn Đình Phước theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Đình Đ và chị Phan Thị Vân A về việc nuôi dưỡng con chung.

Về cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Đình Ph: Anh Nguyễn Đình Đ và chị Phan Thị Vân A không yêu cầu giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với cháu Nguyễn Thị Thu H: Anh Nguyễn Đình Đ có nguyện vọng giao cháu Nguyễn Thị Thu H cho chị Phan Thị Vân A trực tiếp nuôi dưỡng. Xét, hiện nay Nguyễn Thị Thu H đã thành niên có đầy đủ năng lực hành vi dận sự, chị Nguyễn Thị Thu H đã lập gia đình, bản thân chị Nguyễn Thị Thu H không yêu cầu giải quyết về việc nuôi dưỡng, cấp dưỡng chị (bút lục số 19). Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về việc nuôi dưỡng, cấp dưỡng đối với Nguyễn Thị Thu H.

[5] Về chia tài sản chung: Anh Nguyễn Đình Đ và chị Phan Thị Vân A xác nhận anh chị tự thỏa thuận về chia tài sản chung, không yêu cầu giải quyết về việc chia tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Anh Nguyễn Đình Đ và chị Phan Thị Vân A đều xác nhận không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết về nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định *"Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn"*. Do đó, nguyên đơn chị Phan Thị Vân A phải nộp tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[8] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 55; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện ly hôn của anh Nguyễn Đình Đ và chị Phan Thị Vân A

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Đình Ph sinh ngày 13 tháng 10 năm 2006 cho anh Nguyễn Đình Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục;

Bên không trực tiếp nuôi con được quyền đến trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được ngăn cản. Vì lợi ích mọi mặt của con, khi cần thiết có thể thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con, người trực tiếp nuôi con hoặc có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Đình Đ và chị Phan Thị Vân A không yêu cầu giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với Nguyễn Thị Thu H sinh ngày 23 tháng 5 năm 2003 đã thành niên có đủ năng lực hành vi dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về nuôi dưỡng, cấp dưỡng.

3. Về chia tài sản chung: anh Nguyễn Đình Đ và chị Phan Thị Vân A tự thỏa thuận về tài sản chung, không yêu cầu giải quyết về việc chia tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Anh Nguyễn Đình Đ và chị Phan Thị Vân A không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết về nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Nguyên đơn chị Phan Thị Vân A phải nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp trước là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0009345 ký ngày 02 tháng 5 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Phước *(đã nộp xong)*.

6. Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 24/7/2019), đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THADS cùng cấp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trần Thị Phương Hạnh